

Bản án số: 1193/2018/HN-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;
2. Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3391/2018/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2.05 lô A2 chung cư A, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Pham Lien T** – sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Quốc tịch: Canada.

Địa chỉ: 102160 - 168 A NW, E, A, T5X 2Z8 Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2017 và bản tự khai ngày 05/7/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Pham Lien T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1405, quyển số 05 ngày 20/4/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau tại nhà riêng của ông một thời gian rồi bà Pham Lien T trở về Canada sinh sống, làm việc; vợ chồng có thỏa thuận bà Pham Lien T sẽ làm thủ tục bảo lãnh ông sang Canada để cùng đoàn tụ. Tuy nhiên, từ năm 2011 cho đến nay ông và bà Pham Lien T không thể hoàn tất thủ tục nhập cảnh từ chính phủ Canada nên vợ chồng không còn khả năng sống chung và phát sinh tranh cãi. Nay thời gian chờ đợi đã lâu,

tình cảm thương yêu, gắn bó giữa người vợ, người chồng không còn, ông khởi kiện xin chấm dứt quan hôn nhân với bà Phạm Lien T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến là giấy cam đoan đề ngày 23/5/2018 đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada xác nhận bản dịch từ tiếng Anh của bà Phạm Lien T ngày 10/7/2018, bị đơn bà Phạm Lien T trình bày: Lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống giữa hai người là đúng. Như lời khai của nguyên đơn, sau khi kết hôn, do việc bảo lãnh ông H sang Canada sinh sống, đoàn tụ không thể tiến hành được nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và đã kéo dài trong nhiều năm. Nay ông Nguyễn Văn H có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà đồng ý với việc xin ly hôn của ông H; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, tài sản và nợ chung bà xác định ông H khai chính xác và không có tranh chấp. Do điều kiện đi lại khó khăn giữa hai quốc gia, bà T xin được Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Vụ án có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ theo quy định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ghi nhận sự đồng ý của bị đơn về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân; giải quyết cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Lien T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; xác nhận bản khai của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada cùng lời trình bày của các đương sự đã được thu thập có cơ sở để xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Phạm Lien T hiện đang định cư tại Canada. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong đơn

khởi kiện và bản tự khai; bị đơn đã có văn bản cung cấp thông tin và trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn cùng Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1405, quyển số 05 ngày 20/4/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Lien T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn giữa vợ chồng ông có chung sống với nhau một thời gian tại Việt Nam rồi vợ ông trở về Canada làm thủ tục bảo lãnh chồng để đoàn tụ gia đình nhưng không thể thực hiện được; từ đó vợ chồng xa cách và không còn chung sống cùng nhau. Thời gian đến nay đã kéo dài, tình nghĩa vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Phạm Lien T để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Từ Canada, bị đơn bà Phạm Lien T đã có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận nội dung như trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân dẫn đến ly hôn là đúng; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn giải quyết cho ông Nguyễn Văn H được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Lien T đã thật sự đổ vỡ, vợ chồng không còn chung sống, gần gũi chăm sóc lẫn nhau để xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc. Xuất phát từ yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân và được sự đồng ý của bị đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận và thống nhất quan điểm giải quyết cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Lien T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo như luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Lien T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1405, quyển số 05 ngày 20/4/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0034031 ngày 13/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- UBND Tp.HCM (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang